

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho  
Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh – An Hữu,  
giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật Xây dựng về Quản lý hoạt động xây dựng;*

*Căn cứ Quyết định số 769/QĐ-TTg ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1;*

*Căn cứ Quyết định số 1640/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1;*

*Căn cứ Quyết định số 17/2022/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ phân cấp thực hiện các dự án, các dự án thành phần đầu tư các đoạn tuyến cao tốc đường bộ cao tốc theo hình thức đầu tư công thuộc chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số 1185/QĐ-UBND-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1);*

*Căn cứ Văn bản số 209/KTNN-TH ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1);*

Xét Công văn số 776/SXD-ĐTXĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh – An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1).

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh – An Hữu, giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1)

(Phụ lục danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật điều chỉnh, bổ sung đính kèm).

- Khi áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không pha trộn tiêu chuẩn có cùng phạm vi áp dụng nhưng khác biệt về phương pháp và triết lý kỹ thuật cho cùng một công trình hoặc bộ phận kết cấu công trình;

- Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp các cơ quan, đơn vị phát hiện nội dung, điều khoản nào của tiêu chuẩn chưa phù hợp, có sự chồng chéo giữa các tiêu chuẩn hoặc cần bổ sung, điều chỉnh danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án thì Chủ đầu tư tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết.

**Điều 2.** Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật được phê duyệt điều chỉnh, bổ sung và Quyết định số 1185/QĐ-UBND-HC ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp để làm cơ sở thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP, PCVP Nam;
- Lưu: VT, ĐTQH (Tùng).

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Diệu



## PHỤ LỤC

**Danh mục điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho  
Dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh – An Hữu,  
giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1)**

### 1. Tiêu chuẩn, quy chuẩn điều chỉnh, cập nhật

| Stt       | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn                                                                                                                  | Mã hiệu                                            |                      |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------|
|           |                                                                                                                                            | Theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2022 | Điều chỉnh, cập nhật |
| <b>I</b>  | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế</b>                                                                                  |                                                    |                      |
| 1         | Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình                                                                                 | TCVN 9401:2012                                     | TCVN 9401:2024       |
| 2         | Đất xây dựng - Phân loại                                                                                                                   | TCVN 5747:1993                                     | TCVN 5746:2024       |
| 3         | Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                | TCVN 2737:2020                                     | TCVN 2737:2023       |
| 4         | Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                       | TCVN 7957:2008                                     | TCVN 7957:2023       |
| 5         | Công trình thủy lợi - thiết kế công trình bảo vệ bờ sông để chống lũ                                                                       | TCVN 8419:2010                                     | TCVN 8419:2022       |
| 6         | Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                                                | TCVN 2737:2020                                     | TCVN 2737:2023       |
| 7         | Công trình thủy lợi - cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet grouting - Yêu cầu thiết kế thi công, nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu | TCVN 9906:2013                                     | TCVN 9906:2014       |
| <b>II</b> | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu</b>                                                                                |                                                    |                      |
| 8         | Bê tông nặng - Các phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý                                                                                     | TCVN 3105:1993 -                                   | TCVN 3105:2022       |
|           |                                                                                                                                            | TCVN 3120:1993                                     | TCVN 3120:2022       |
| 9         | Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh                                                       | TCVN 5726:1993                                     | TCVN 5726:2022       |
| 10        | Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy, đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm                                        | TCVN 9357: 2012                                    | TCVN 13537:2022      |

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn                                                                                        | Mã hiệu                                            |                                                        |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                  | Theo Quyết định số 1185/QĐ-UBND-HC ngày 01/11/2022 | Điều chỉnh, cập nhật                                   |
| 11  | Phụ gia hoá học cho bê tông                                                                                      | TCVN 8826:2011                                     | TCVN 8826:2024                                         |
| 12  | Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật                                                                                  | TCVN 4314:2003                                     | TCVN 4314:2022                                         |
| 13  | Vữa xây dựng - Phương pháp thử                                                                                   | TCVN 3121:2003                                     | TCVN 3121:2022                                         |
| 14  | Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu                          | TCVN 8859:2011                                     | TCVN 8859:2023                                         |
| 15  | Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu | TCVN 8858:2011                                     | TCVN 8858:2023                                         |
| 16  | Sơn và vecni - Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ                                              | TCVN 12705: 2019                                   | TCVN 12705-(1-4 & 7-9): 2021<br>TCVN 12705-(5,6): 2019 |
| 17  | Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế                                                                               | TCVN 5575:2012                                     | TCVN 5575:2024                                         |
| 18  | Thiết bị chữa cháy đầu nổi                                                                                       | TCVN 5739:1993                                     | TCVN 5739:2023                                         |
| 19  | Phương tiện phòng cháy chữa cháy - Vòi dây chữa cháy - Vòi dây bằng sợi tổng hợp tráng cao su                    | TCVN 5740:2009                                     | TCVN 5740:2023                                         |
| III | <b>Tiêu chuẩn thiết kế điện chiếu sáng</b>                                                                       |                                                    |                                                        |
| 20  | Bóng đèn LED có balasts lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng - Yêu cầu về tính năng                           | TCVN 8783:2011                                     | TCVN 8783:2015                                         |
| 21  | Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể - Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố                                | TCVN 7722-2-3:2007                                 | TCVN 7222-2-3:2019                                     |

## 2. Tiêu chuẩn, quy chuẩn bổ sung

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn                                 | Mã hiệu            |
|-----|-----------------------------------------------------------|--------------------|
| I   | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát, thiết kế</b> |                    |
| 1   | Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ          | QCVN 41:2024/BGTVT |
| 2   | Báo hiệu đường thủy nội địa                               | QCVN 39:2020/BGTVT |
| 3   | Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế                 | TCVN 13615:2022    |



| Stt        | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn                                                                                                                                               | Mã hiệu                |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| 4          | Code of practice for Strengthened/ reinforced soils and other fills                                                                                                     | BS 8006:2010           |
| <b>II</b>  | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu</b>                                                                                                             |                        |
| 5          | Đất dùng trong xây dựng đường bộ - Phân loại đất                                                                                                                        | TCVN 14183:2024        |
| 6          | Công tác nền móng - thi công và nghiệm thu                                                                                                                              | TCVN 9361:2012         |
| 7          | Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu – Phần 5: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường bổ sung phụ gia SBS bằng phương pháp trộn khô | TCVN 13567-5:2024      |
| 8          | Method of Test for Percent Air Voids in Compacted Dense and Open Asphalt Mixtures                                                                                       | AASHTO T 269-14 (2022) |
| 9          | Đất xây dựng - Phương pháp xác định - Độ ẩm và Độ hút ẩm trong phòng Thí nghiệm                                                                                         | TCVN 4196:2012         |
| 10         | Hỗn hợp nhựa – Phương pháp thử vệt hằn bánh xe                                                                                                                          | TCVN 13899:2023        |
| <b>III</b> | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho vật liệu</b>                                                                                                                                  |                        |
| 11         | Xi măng Pooc Lăng – Phương pháp xác định độ nở sulfat tiềm tàng                                                                                                         | TCVN 6068:2020         |
| 12         | Xi măng, phương pháp xác định độ mịn                                                                                                                                    | TCVN 13605:2023        |
| 13         | Xi măng, phương pháp phân tích hoá học                                                                                                                                  | TCVN 141: 2023         |
| 14         | Bê tông – Phương pháp siêu âm và xác định cường độ chịu nén                                                                                                             | TCVN 13536:2022        |
| 15         | Bu lông, vít , vít cây và đai ốc – Yêu cầu kỹ thuật                                                                                                                     | TCVN 1916:1995         |
| 16         | Chi tiết lắp xiết - Bu lông, vít, vít cây và đai ốc – Ký hiệu và tên gọi kích thước                                                                                     | TCVN 6360:1998         |
| 17         | Nhựa đường phân cấp theo đặc tính làm việc - Yêu cầu kỹ thuật (cấp nhựa đường theo mức PG).                                                                             | TCVN 13049:2020        |
| 18         | Nhũ tương nhựa đường axit thấm bám, yêu cầu kỹ thuật thi công và nghiệm thu                                                                                             | TCCS 27:2019/TCĐBVN    |
| 19         | Phương pháp xác định độ nhót nhũ tương nhựa đường bằng nhót kẻ cánh khuấy quay                                                                                          | TCVN 13507:2022        |
| 20         | Bitum – Phương pháp thử nghiệm phao                                                                                                                                     | TCVN 13508:2022        |

| Stt | Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn                                                                         | Mã hiệu           |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 21  | Bê tông nhựa – Phương pháp xác định khả năng kháng nứt bằng mô hình uốn mẫu bán nguyệt SCB        | TCVN 13347:2021   |
| 22  | Bê tông nhựa – Phương pháp đo độ chặt bê tông nhựa hiện trường bằng thiết bị điện từ tiếp xúc mặt | TCVN 13348:2021   |
| 23  | Cọc ván thép cán nóng                                                                             | TCVN 9685:2013    |
| 24  | Thép hình cán nóng – Phần 15: Thép chữ I                                                          | TCVN 7571-15:2019 |
| 25  | Thép hình cán nóng – Phần 16: Thép chữ H                                                          | TCVN 7571-16:2017 |
| IV  | <b>Tiêu chuẩn áp dụng cho an toàn lao động, phòng chống cháy nổ</b>                               |                   |
| 26  | Hệ thống báo cháy – Phần 14: Thiết kế, lắp đặt các hệ thống báo cháy cho nhà và công trình        | TCVN 7568-14:2025 |